

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 95/2022/DS-ST
Ngày 05 - 5 - 2022
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Chí Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Phi Hùng

Ông Trần Văn Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

Trong ngày 05 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Ch**, sinh năm 1979

Cư trú tại: Ấp T, xã K, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ch: Ông Ngô Văn K, sinh năm 1958 (có mặt).

Cư trú: Khóm 5, phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: 1/ Bà **Lê Bích Th**, sinh năm 1978 (vắng mặt)

2/ Ông **Lê Anh T** (tự K1), sinh năm 1985 (có yêu cầu xin vắng mặt)

Cư trú: Ấp T, xã K, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Ông K là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Bà Ch và vợ chồng bà Th, ông T có mối quan hệ thân quen nhau nên vợ chồng bà Th, ông T có nhiều lần hỏi vay tiền của bà Ch để làm ăn mua bán và cho người khác vay lại. Vợ chồng bà Th hỏi vay tiền của bà Ch nhiều lần, có khi cả hai vợ chồng đến hỏi vay, nhưng mỗi lần vay tiền chỉ bà Th viết biên nhận, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, cụ thể như sau:

Ngày 19/11/2019 vay số tiền là 380.000.000đ.

Ngày 26/11/2019 vay số tiền là 50.000.000đ.

Ngày 01/01/2020 vay số tiền là 85.000.000đ.

Ngày 11/01/2020 vay số tiền là 30.000.000đ.

Ngày 15/01/2020 vay số tiền là 100.000.000đ.

Ngày 25/01/2020 vay số tiền là 45.000.000đ.

Ngoài ra vào ngày 06/02/2020 âl, vợ chồng bà Th có vay 30.000.000đ để làm vốn mua hàng ở Tri Tôn – An Giang về bán, do vợ chồng bà Th hứa 02 ngày sau sẽ trả đủ nên không có viết biên nhận. Tổng cộng vợ chồng bà Th, ông T vay số tiền 720.000.000đ.

Khi hỏi vay tiền vợ chồng bà Th cho rằng sử dụng làm vốn vay để làm ăn, mua bán tại nhà, sinh hoạt trong gia đình và dùng để xây dựng nhà nên mới tin tưởng cho vay tiền. Sau đó, nhiều lần bà Ch liên hệ yêu cầu vợ chồng bà Th, ông T trả lại tiền, nhưng vợ chồng bà Th hứa hẹn kéo dài thời gian không trả. Năm 2020, bà Ch có khởi kiện vợ chồng bà Th, ông T tại Tòa án. Nhưng do thời gian dịch kéo dài và bà Ch phải điều trị bệnh nên rút lại yêu cầu, vụ án đình chỉ giải quyết theo quyết định số 29/2021/QĐST-DS ngày 06/4/2021.

Theo đơn khởi kiện ngày 18/5/2022, bà Ch tiếp tục khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Th, ông T có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc đã vay là 720.000.000đ. Đến ngày 05/5/2022, có đơn yêu cầu thay đổi rút một phần yêu cầu theo đơn khởi kiện, bà Ch chỉ yêu cầu bà Th, ông T có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc đã vay theo 2 biên nhận ngày 19/11/2019 vay số tiền là 380.000.000đ và biên nhận ngày 26/11/2019 vay số tiền là 50.000.000đ, tổng cộng yêu cầu số tiền 430.000.000đ (*Hai biên nhận này đã được giám định chữ ký của bà Th*), không yêu cầu tính lãi. Bởi vì, trước đây 2 khoản vay này bà Th có đóng lãi được 2 tháng bằng 43.000.000đ, số tiền đóng cụ thể: khoản vay 380.000.000đ x 2 tháng x 5% = 38.000.000đ; khoản vay 50.000.000đ x 2 tháng x 5% = 5.000.000đ.

Phần vay của các biên nhận còn lại, bà Ch rút lại không yêu cầu giải quyết.

Ông Lê Anh T là bị đơn trình tại biên bản ghi lời khai: Bà Th là vợ của ông, mặc dù vợ chồng chưa ly hôn nhưng đã ly thân nhau từ năm 2015. Hiện nay bà Th ở đâu ông không rõ và không có liên lạc với nhau. Đối với khoản tiền 720.000.000đ mà bà Ch khởi kiện theo thông báo của Tòa án thì ông hoàn toàn không biết khoản nợ này. Vì vậy, ông không đồng ý theo yêu cầu của bà Ch và xác định không liên quan đến khoản nợ trên.

Đối với bà Lê Bích Th là bị đơn: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa. Mặc dù bà Th nhiều lần nhận trực tiếp văn bản tố tụng của Tòa án tại nhà, nhưng bà Th vắng mặt không có lý do và không có gửi ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bằng văn bản cho Tòa án.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cho đến khi mở phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và bổ sung tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn yêu cầu của nguyên đơn là bà Lê Thị Ch và bị đơn là ông Lê Anh T, bà Lê Bích Th thuộc lĩnh vực dân sự, tranh chấp hợp đồng vay tài sản; Ông T, bà Th là bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp T, xã K, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự nhưng bà Th vắng mặt đến lần thứ 2 không rõ lý do, đối với ông T có yêu cầu xin vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa xét xử theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà Ch với ông T, bà Th được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Khi giao kết hợp đồng vay tài sản giữa bà Ch và ông T, bà Th không xác lập hợp đồng vay bằng văn bản, nhưng thể hiện bằng biên nhận nhận tiền có ký tên của bà Th, có ghi nhận thời gian và số tiền vay. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét các biên nhận trên đã được giám định chữ ký của cơ quan có thẩm quyền để làm căn cứ xác định số tiền vay và trách nhiệm thanh toán.

Theo đơn khởi kiện bà Ch yêu cầu số tiền 720.000.000đ, cụ thể: Theo các biên nhận thể hiện chữ ký của bà Th nhận số tiền 690.000.000đ và 30.000.00đ không viết biên nhận, lãi suất 5%. Sau đó, bà Ch có đơn xin thay đổi yêu cầu so với đơn khởi kiện, chỉ yêu cầu bà Th, ông T thanh toán theo 2 biên nhận ngày 19/11/2019 vay số tiền là 380.000.000đ và biên nhận ngày 26/11/2019 vay số tiền là 50.000.000đ, tổng cộng yêu cầu số tiền 430.000.000đ, không yêu cầu tính lãi. Bởi vì, bà Th đã đóng lãi được 2 tháng bằng số tiền 43.000.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi yêu cầu và rút một phần yêu cầu của bà Ch là nguyên đơn phù hợp với quy định nên được chấp nhận, đình chỉ phần rút yêu cầu của bà Ch.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Căn cứ vào yêu cầu của bà Ch là nguyên đơn về việc yêu cầu bà Th, ông T thanh toán theo 2 biên nhận ngày 19/11/2019 vay số tiền là 380.000.000đ và biên nhận ngày 26/11/2019 vay số tiền là 50.000.000đ, tổng cộng yêu cầu số tiền 430.000.000đ. Xét thấy, 2 biên nhận trên đã được giám định chữ ký của bà Th là người ký nhận tiền vay. Theo kết luận giám định số 114//GD-PC09 ngày 27/3/2021 của Phòng kỹ thuật, Công an tỉnh Cà Mau, kết luận: Chữ ký tại 2 biên nhận ngày 19/11/2019 vay số tiền là 380.000.000đ và biên nhận ngày 26/11/2019 vay số tiền là 50.000.000đ là của bà Th. Do đó, đủ cơ sở kết luận bà Th có vay tiền của bà Ch theo 2 biên nhận trên với số tiền 430.000.000đ nên bà Th có nghĩa vụ thanh toán cho bà Ch số tiền trên.

Đối với việc bà Th cho rằng chỉ yêu cầu vốn vay thể hiện theo biên nhận, không yêu cầu tính lãi là do bà đã nhận khoản tiền lãi trước đây nên không yêu cầu tiếp tục tính lãi. Trường hợp, bà Th có yêu cầu tính lãi từ khi vay cho đến

ngày xét xử theo mức lãi quy định của Ngân hàng nước đối với 2 khoảng vay nêu trên thì số tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày xét xử sẽ cao hơn số tiền lãi mà nguyên đơn đã nhận, đối trừ sẽ có lợi cho bị đơn nên không cần điều chỉnh.

[5] Đối với ông T, bà Th là vợ chồng đang trong thời kỳ hôn nhân nên cùng có nghĩa vụ như nhau. Khi vay tiền vợ chồng ông T, bà Th đang kinh doanh mua bán tại nhà, có bản hiệu nên việc vay mượn tiền để bổ sung vốn kinh doanh và sinh hoạt trong gia đình theo như bà Ch trình bày là có cơ sở. Khi bà Ch cho bà Th vay tiền không có thể chấp tài sản, vì tin tưởng bà Th, ông T đang kinh doanh tại nhà nên mới đưa tiền cho vợ chồng ông T, bà Th vay, mặc dù người liên hệ giao dịch là có cả hai người nhưng khi ký tên chỉ có bà Th là người trực tiếp ký nhận tiền.

Khi Tòa án tổng đạt thông báo việc khởi kiện của bà Ch thì bà Th là người ký nhận thông báo trực tiếp nhiều lần tại nhà của bà Th, nhưng bà Th không có ý kiến gì. Đối với ông T cho rằng bà Th hiện không có sống cùng nhà từ năm 2015 và không biết khoảng tiền vay nợ của bà Ch là mâu thuẫn, không hợp lý.

Từ cơ sở trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà Ch khởi kiện vợ chồng ông T, bà Th là phù hợp nên cần buộc ông T, bà Th cùng có nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà Ch số tiền vay là 430.000.000đ.

[6] Hiện ông T, bà Th không có tài liệu gửi cho Tòa án về yêu cầu của bà Ch. Trường hợp ông T, bà Th có chứng cứ đã thanh toán cho bà Ch khoản tiền trên và có tranh chấp thì có quyền yêu cầu, khởi kiện thành vụ án dân sự khác để làm cơ sở đối trừ.

[7] Do yêu cầu của bà Ch được chấp nhận nên ông T, bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ch đối với ông Lê Anh T (tự K1) và bà Lê Bích Th.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ch đối với ông Lê Anh T (tự K1) và bà Lê Bích Th (theo đơn đề ngày 15/3/2022).

Buộc ông Lê Anh T (tự K1) và bà Lê Bích Th có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị Ch số tiền là 430.000.000đ (Bốn trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bà Ch có đơn yêu cầu thi hành án, ông T, bà Th có nghĩa vụ thi hành xong khoản tiền nêu trên. Trường hợp chậm thi hành thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Lê Anh T (tự K1) và bà Lê Bích Th phải nộp án phí số tiền 21.200.000đ (chưa nộp).

Bà Ch không phải nộp án phí sơ thẩm. Vào ngày 28/6/2021 bà Ch đã dự nộp số tiền 16.400.000đ tại lai số 0011687 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Ch có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T, bà Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- THA dân sự huyện Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

Diệp Chí Nguyễn